

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ BẮC KẠN
Năm 2019**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4700191357
- Vốn điều lệ: 86.423.000.000 (Tám mươi sáu tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 86.423.000.000 đồng
- Địa chỉ: Thôn Bản Chiêng - xã Đôn Phong - huyện Bạch Thông - tỉnh Bắc Kạn
- Số điện thoại: 0209.6282828
- Số fax/Fax:
- Website: pvpbackan.com.vn
- Mã cổ phiếu : PBK

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Bắc Kạn được thành lập ngày 16/12/2009. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4700191357 ngày 16/12/2009 với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng

Trụ sở hoạt động tại: Thôn Thác Giềng - Xã Xuất Hóa – Thị Xã Bắc Kạn – Tỉnh Bắc Kạn. Mục tiêu của Công ty: thực hiện đầu tư Dự án thủy điện Thác Giềng tại Xã Xuất Hóa – Thị Xã Bắc Kạn – Tỉnh Bắc Kạn và các dự án khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 16/9/2010, được sự nhất trí của các Cổ đông hiện hữu Công ty đã tiến hành sáp nhập Công ty cổ phần Thủy điện Nậm Cát vào Công ty, tiếp tục thực hiện thêm nhiệm vụ nữa là tiến hành thi công, phát điện, vận hành Công trình Nhà máy thủy điện Nậm Cát (do Công ty CP Thủy điện Nậm Cát đang thực hiện đầu tư dở dang). Theo đó, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 16/09/2010, trụ sở hoạt động tại: Thôn Thác Giềng - Xã Xuất Hóa – Thị Xã Bắc Kạn – Tỉnh Bắc Kạn. Mục tiêu của Công ty là thực hiện đầu tư Dự án thủy điện Thác Giềng tại Xã Xuất Hóa – Thị Xã

Bắc Kạn – Tỉnh Bắc Kạn, tiếp tục đầu tư để thi công XD, phát điện, vận hành Công trình Nhà máy thủy điện Nậm Cắt tại Thôn bản Chiêng – Xã Đôn Phong – Huyện Bạch Thông - Tỉnh Bắc Kạn và các dự án khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Sau hơn 1 năm sáp nhập, ngày 17/4/2012 Nhà máy thủy điện Nậm Cắt của Công ty đã chính thức phát điện thương mại với công suất 3,2 MW; hàng năm mang lại sản lượng điện phát lên lưới điện quốc gia khoảng 15 triệu Kwh.

- Các sự kiện khác:

Sự cố ngập lụt toàn bộ Nhà máy thủy điện Nậm Cắt ngày 30/5/2013.

Ngày 16/10/2019 Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - cổ đông lớn nhất đã thoái thành công toàn bộ phần góp vốn 8.143.600 cổ phần tương đương với 94,23% vốn điều lệ công ty thông qua việc bán cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh điện năng

- Địa bàn kinh doanh: Thôn Bản Chiêng, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

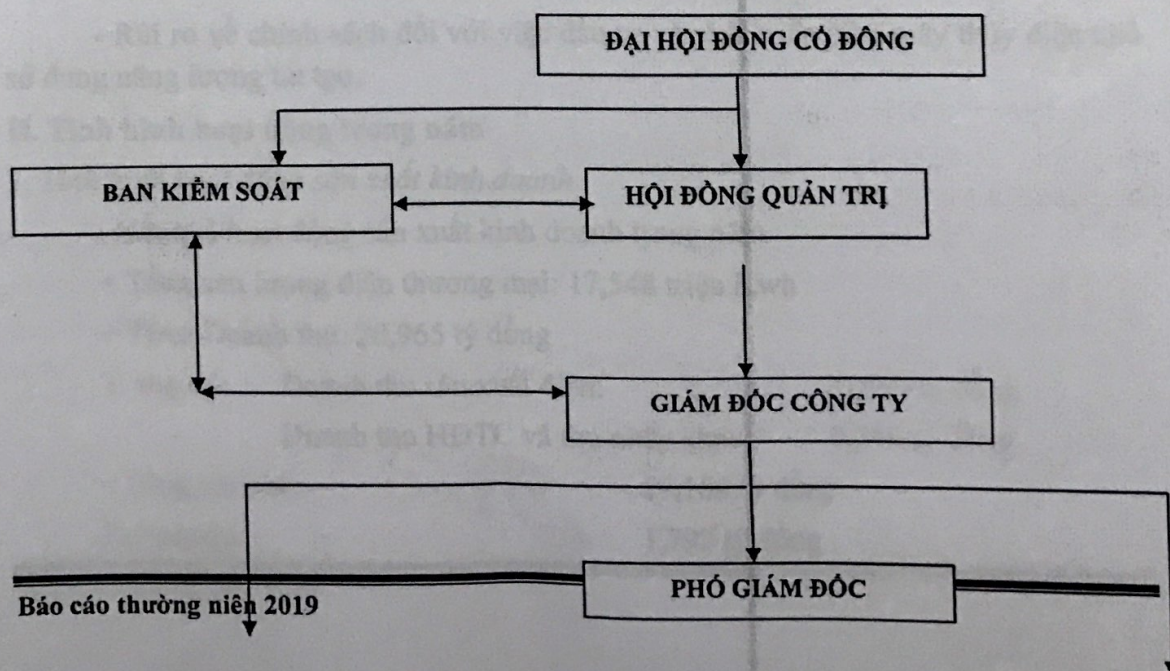
- Mô hình quản trị

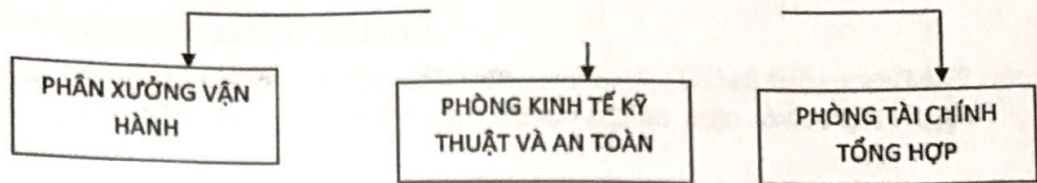
Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan; cơ cấu tổ chức Công ty hiện tại như sau:

DHĐCĐ và các cơ quan trực thuộc: **DHĐCĐ**, **HĐQT**, **BKS** Công ty và các Hội đồng do **HĐQT** quyết định thành lập;

Khối Cơ quan Công ty gồm các phòng, ban: Phòng Tài chính - Tổng hợp, Phòng Kinh tế Kỹ thuật & an toàn, Phân xưởng vận hành Nhà máy thủy điện Nậm Cắt

- Cơ cấu bộ máy quản lý





- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm tiếp theo
- + Quản lý vận hành an toàn hiệu quả Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt
- + Tham gia tìm kiếm và thực hiện các hợp đồng lắp đặt, dịch vụ bảo trì bảo dưỡng tại các Nhà máy thủy điện nhỏ.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- + Quản lý vận hành an toàn hiệu quả Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt
- + Mở rộng dịch vụ lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng các Nhà máy Thủy điện vừa và nhỏ tại khu vực Tây Bắc và Đông Bắc

- Các mục tiêu phát triển bền vững:

- + Công ty cam kết hài hòa lợi ích của doanh nghiệp với trách nhiệm xã hội và bảo vệ cộng đồng. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước và pháp luật về môi trường như đóng góp đầy đủ các quỹ về môi trường rừng, cấp quyền khai thác tài nguyên nước...

+ Tiếp tục cùng chính quyền địa phương chăm lo cho các gia đình khó khăn neo đơn các gia đình chính sách trên địa bàn. Góp sức chăm lo cho phát triển giáo dục, làm đầu mối các chương trình thiện nguyện an sinh xã hội của phía đối tác và khách hàng tại địa bàn huyện Bạch Thông nói riêng và Bắc Kạn nói chung.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro về biến đổi khí hậu làm ảnh hưởng đến quá trình vận hành nhà máy.
- Rủi ro về chính sách đối với việc đầu tư và phát triển Nhà máy thủy điện nhỏ sử dụng năng lượng tái tạo.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

+ Tổng sản lượng điện thương mại: 17,548 triệu Kwh

+ Tổng Doanh thu: 20,965 tỷ đồng

Trong đó:	Doanh thu sản xuất điện:	20,669 tỷ đồng
	Doanh thu HĐTC và thu nhập khác	0,296 tỷ đồng

+ Tổng chi phí : 19,168 tỷ đồng

Lợi nhuận: 1,797 tỷ đồng

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

+ Sản lượng đạt 119,2% so với kế hoạch năm 2019 (17,548 triệu kwh/14,72 triệu kWh); đạt 97,41% so với cùng kỳ năm trước (17,548 triệu kwh/18,015 triệu kWh).

+ Doanh thu đạt 123,69% kế hoạch (20,965 tỷ /16,95 tỷ) và bằng 102,1% so với năm 2018 (20,965 tỷ/20,533 tỷ)

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Giám đốc	1980	Kỹ sư điện	16/12/2019
2	Bà Nguyễn Ngọc Hà	Kế Toán Trưởng	1983	Cử nhân kinh tế	28/11/2019

- Những thay đổi trong ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Văn Dũng (Bổ nhiệm ngày 28/11/2019)	Giám đốc	1961		16/12/2019
2	Đỗ Xuân Bình	Giám đốc	1973	Thạc sỹ kỹ thuật	28/11/2019
3	Tổng Văn Bình	Phó Giám đốc	1980	Thạc sỹ kỹ thuật	28/11/2019
4	Lã Quang Dũng	Kế toán trưởng	1977	Cử nhân kinh tế	28/11/2019

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

+ Số lượng CBCNV tại ngày 31/12/2019 là: 18 người

+ Chính sách: Tiền lương trả cho CB CNV từng vị trí, cấp bậc dựa trên mức độ cống hiến, hiệu quả, mức độ hoàn thành kế hoạch SXKD năm. Khuyến khích CB CNV nâng cao hiệu quả công việc, tăng ý thức trách nhiệm, tiết kiệm chi phí, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty luôn đặc biệt chăm lo đến điều kiện làm việc, giải quyết chính sách chế độ một cách kịp thời, minh bạch cho CB CNV là nhân tố cơ bản cho sự gắn bó và tăng năng suất lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a/ Các khoản đầu tư lớn: không

b) Các công ty con, công ty liên kết: không

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm/ %
Tổng giá trị tài sản	95.499.743.629	83.170.917.807	-12,91
Doanh thu thuần	20.533.530.966	20.669.032.036	0,66
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	803.460.782	1.796.852.801	123,64
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế	803.460.782	1.796.852.801	123,64
Lợi nhuận sau thuế	803.460.782	1.792.399.302	123,08
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- Các chỉ tiêu khác

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,412 1,385	1,763 1,694	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	0,21 0,267	0,072 0,078	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i> Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	45	37,8	

Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	0,215	0,249	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0,039	0,087	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	0,01	0,023	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	0,0084	0,0216	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	0,0319	0,087	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần

+ Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8.642.300 cổ phần

Trong đó Cổ phần tự do chuyển nhượng: 8.641.400 cổ phần

Cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 900 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

TT	Tên cổ đông	CMT/ĐKKD, nơi cấp, ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % trên số cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Nguyễn Thị Hòai	013240299 do CA TP Hà Nội cấp ngày 09/12/2009	Số 5 Liễu Giai, Tổ 2, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	2.035.300	23,55%
2	Ông Chu Văn Lượng	033083000024 do CA TP Hồ Chí Minh cấp ngày 10/05/2013	595/101 CMT8, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	2.035.000	23,55%
3	Bà Nguyễn Thủy Dương	013043523 do CA Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	14/113/189 Hoàng Hoa Thám Liễu Giai, Hà Nội	2.035.000	23,55%

4	Bà Đặng Thị Dự	013439133 do CA TP Hà Nội cấp ngày 30/06/2011	5 Phùng Chí Kiên, Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, Hà Nội	2.035.000	23,55%
5	Công ty CP 19/8	4700143811, do Sở KHĐT Bắc Kạn cấp ngày 13/07/2017	Thôn Nam Đội Thân, Nông Thượng, TP Bắc Kạn	100.000	1,16%
6	Công ty CP XD Sông Hồng	0100107042, do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 24/02/2017	164 Lò Đúc Quận Hai Bà Trưng Hà nội	287.000	3,32%
7	Cổ đông là thể nhân khác			115.000	1,33%
Tổng				8.642.300	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e) Các chứng khoán khác: không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Được cung cấp từ suối Nậm Cắt một nhánh của Sông Cầu.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 100%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng lao động bình quân: 28

Thu nhập bình quân: 15 triệu đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Người lao động được hưởng:

+ Chế độ ăn ca: 880.000 đ/người/ tháng

+ Chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với lao động trong môi trường nguy hiểm độc hại được quy định tại Thông tư 25/2013/TT-BLĐTBXH.

+ Được tham quan nghỉ mát phục hồi sức khỏe: 01 lần/năm

+ Được tổ chức khám sức khỏe: 01 lần/năm

+ Được thăm hỏi khi ốm đau nằm viện (Bản thân người lao động, vợ chồng con cái và bố mẹ)

+ Được cấp trang thiết bị quần áo bảo hộ khi làm việc.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Hàng năm người lao động được đào tạo huấn luyện an toàn PCCN và tìm kiếm cứu nạn, huấn luyện an toàn điện, huấn luyện an toàn lao động.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

+ Đối với các Trưởng ca được huấn luyện cấp chứng chỉ Trưởng ca vận hành

+ Đối với vận hành viên được huấn luyện tập huấn kiến thức thi nâng bậc thợ

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

+ Thực hiện các hoạt động an sinh xã hội tại địa bàn xã Đôn phong.

+ Hỗ trợ kinh phí duy tu bảo trì đường giao thông nông thôn.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Qua các số liệu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại mục II – Tình hình hoạt động trong năm: Ban Giám đốc cho rằng kết quả hoạt động SXKD năm 2019 là hiệu quả các chỉ tiêu chính đều vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Khả năng ứng phó với các tình huống trong quá trình vận hành Nhà máy giúp cho gia tăng sản lượng sản xuất.

+ Tay nghề đội ngũ vận hành viên được nâng cao, đáp ứng nhiều công việc là cơ hội mở rộng ngành nghề góp phần mở rộng quy mô SXKD.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation:

a) Tình hình tài sản/ Assets:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản: Tổng tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 83,17 tỷ đồng giảm 12,9% so với thời điểm 31/12/2018 là 95,5 tỷ đồng, xuất phát từ những nguyên nhân cơ bản sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 3,56 tỷ đồng là do công ty huy động vốn để trả nợ trước hạn khoản vay dài hạn đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Cắt tại VPBank.

- Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 3,2 tỷ đồng chủ yếu do giảm khoản trả trước hai nhà thầu xây dựng là Công ty Cổ phần Sông Đà 906 và Công ty Cổ phần khoáng sản và xây dựng Thành Nam (do Công ty tạm thời bù trừ giữa số dư đã ứng trước và số dư khoản công nợ còn phải trả cho hai nhà thầu này), đồng thời khoản phải thu khác cũng giảm do Công ty đã thực hiện quyết toán và thu hồi tiền đền bù sự cố lũ lụt ngày 15/5/2017 của Tổng Công ty Bảo hiểm PVI.

- Tài sản dài hạn giảm 4,93 tỷ là do khấu hao TSCĐ trong năm 2019 và giảm khoản chi phí trả trước dài hạn do trích hết vào chi phí.

- Hiệu quả sử dụng tài sản năm 2019 là cao hơn năm 2018.

Đối với công nợ phải thu đã được nêu tại ý kiến loại trừ của Kiểm toán viên Công ty đánh giá vẫn có khả năng thu hồi tuy nhiên về tiến độ chưa đạt yêu cầu. Ban Giám đốc cho rằng đây là nhiệm vụ hết sức trọng tâm trong năm 2020 của Công ty.

b) Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 6 tỷ đồng giảm 14,1 tỷ so với tại ngày 31/12/2018. Cụ thể như sau:

- Khoản phải trả người bán ngắn hạn giảm 3,27 tỷ đồng chủ yếu do giảm khoản trả trước hai nhà thầu xây dựng là Công ty Cổ phần Sông Đà 906 và Công ty Cổ phần khoáng sản và xây dựng Thành Nam (do Công ty tạm thời bù trừ giữa số dư đã ứng trước và số dư khoản công nợ còn phải trả cho hai nhà thầu này).

- Phải trả người lao động giảm 0,75 tỷ là do Công ty đã thanh toán hết các khoản lương và thu nhập khác còn nợ cho người lao động trong năm 2019.

- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn giảm 10 tỷ đồng, đây là khoản vay dài hạn để đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Nậm Cắt tại VPBank, Công ty đã thực hiện trả trước hạn dư nợ gốc của khoản vay này. Tại thời điểm 31/12/2019 dư nợ gốc khoản vay này bằng 0.

Công ty không phải chịu các rủi ro phát sinh liên quan đến việc thay đổi chính sách về tỷ giá

Đối với chính sách về lãi suất có ảnh hưởng nhưng với số dư nợ là tương đối thấp nên không có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:* Mục tiêu của Công ty là thu gọn cấp quản lý trung gian và đội ngũ văn phòng nhằm giảm thiểu chi phí trung gian. Ban Giám đốc điều chỉnh xây dựng một bộ máy gọn, nhẹ nhưng vẫn đáp ứng nhu cầu công việc theo quy định. Công ty thực hiện xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý phù hợp với các văn bản chính sách, chế độ hiện hành và tình hình thực tế của Công ty, cung cấp thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để Ban lãnh đạo chỉ đạo và điều hành công việc đạt hiệu quả.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:*

- Thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD 2020 đặc biệt đây là năm Công ty tiến hành đại tu Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt và các năm tiếp theo.

- Tập trung đẩy nhanh công tác thu hồi công nợ.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:*

Tại ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến khoản công nợ đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt. Ban Giám đốc có ý kiến như sau:

Căn cứ vào các Biên bản nghiệm thu giai đoạn và biên bản đối chiếu công nợ tại thời điểm 31/12/2010 và số liệu tại BCTC lập ngày 31/12/2019 số tiền Liên danh Nhà thầu còn nợ Công ty là: 6.394.993.680 đồng (Sáu tỷ, ba trăm chín mươi tư triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng). Trong đó tiền tạm ứng phải thu hồi của nhà thầu là 7.899.272.382đ và tiền khối lượng phải trả nhà thầu là: 1.504.278.702đ

Đến ngày 31/3/2011 do không đáp ứng được tiến độ thi công Công ty đã tiến hành chấm dứt hợp đồng và yêu cầu liên danh quyết toán giá trị thực hiện làm cơ sở thanh lý Hợp đồng và đối chiếu công nợ. Tuy nhiên nhà thầu đã không thực hiện. Sau khi hoàn thành dự án Công ty đã gửi rất nhiều văn bản yêu cầu quyết toán nhưng Nhà thầu vẫn không thực hiện do đó đến ngày 31/12/2014 Công ty đã tiến hành phê duyệt báo cáo quyết toán dự án trong đó tự quyết toán giá trị thực hiện của Nhà thầu và được Công ty TNHH Kiểm toán VACO tiến hành kiểm toán. Kết quả sau khi kiểm toán Nhà thầu còn nợ Công ty số tiền là: 5.691.852.648 đồng (Năm tỷ sáu trăm chín mươi một triệu tám trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng). Tuy nhiên Nhà thầu không chấp nhận số liệu trên.

Qua rất nhiều làm việc Nhà thầu đề nghị được rà soát lại kết quả quyết toán (Biên bản làm việc ngày 2/2/2016) đồng thời có công văn đề nghị khấu trừ công nợ bằng cách chuyển nhượng một phần tài sản tại khu đô thị Hồng Thái huyện Đan Phượng – Hà Nội (Công văn số 87/VP-CT ngày 9/3/2016). Trước động thái trên của Nhà thầu Công ty đã đề nghị Nhà thầu khẩn trương ký quyết toán, đối chiếu công nợ, và chuyển cho Công ty các hồ sơ pháp lý của tài sản tại khu đô thị Hồng Thái - huyện Đan Phượng – Hà Nội. Tuy nhiên Nhà thầu vẫn chần chừ cố tình kéo dài thời gian vì vậy Công ty đã khởi kiện ra Tòa án ND quận Thanh Xuân – Hà nội. Thời gian xét xử đã được Tòa án ND quận Thanh Xuân quyết định là ngày 28/9/2017. Qua nhiều lần trì hoãn ngày ngày 19/1/2018 Tòa án ND quận Thanh Xuân đã có quyết định số

06/2018/QĐST-KDTM về việc tạm đình chỉ vụ án. Tuy nhiên Công ty đánh giá việc ban hành Quyết định trên của TAND quận Thanh Xuân là chưa đúng với bản chất vụ án cho nên đã gửi đơn kháng cáo lên TAND Thành phố Hà Nội.

Ngày 30/11/2018 TAND TP Hà Nội đã có Quyết định số 171/2018/QĐ-PT về việc giải quyết việc kháng cáo của Công ty CP Điện lực Dầu khí Bắc Kạn. Tại quyết định TAND TP Hà Nội đã giữ nguyên Quyết định số 06/2018/QĐST-KDTM của TAND quận Thanh Xuân và chuyển toàn bộ hồ sơ cho TAND quận Thanh Xuân để tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền.

Trước tình hình trên Công ty đánh giá:

Số liệu về công nợ chưa có sự đồng thuận của cả hai bên, khả năng thu hồi nợ là vẫn còn (Nhà thầu còn lượng lớn tài sản là bất động sản). Để giải quyết vấn đề này Công ty đã phối hợp với Văn phòng luật sư Khánh Hưng – Đoàn luật sư Hà Nội tiếp tục làm việc giải trình với TAND Thanh Xuân và kiên trì đàm phán với nhà thầu trong việc quyết toán giá trị các gói thầu đồng thời xem xét việc cản trừ nợ bằng tài sản theo ý kiến đề nghị tại văn bản số 87/VP-CT ngày 9/3/2016 của Công ty CP Sông Đà 9.06. Mặt khác Công ty cũng đã tiến hành việc trích lập dự phòng khoản công nợ này trong năm 2019 số tiền là: 319.749.684 VND, trong năm 2020 Công ty sẽ tiến hành trích lập dự phòng 100% giá trị của khoản công nợ này.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company:

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Đã có các biện pháp và giải pháp triệt để hạn chế đến mức tối thiểu các tác động có hại đến môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành Nhà máy.
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Thực hiện tốt các thỏa thuận với người lao động
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã thực hiện tốt vai trò trong việc hỗ trợ cộng đồng địa phương phát triển kinh tế xã hội góp phần xóa đói giảm nghèo.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Về hoạt động sản xuất kinh doanh: Công ty hoàn thành vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Ghi chú
1	Sản lượng (triệu kwh)	14,72	17,55	
2	Doanh thu (tỷ đồng)	16,95	20,96	
3	Lợi nhuận (triệu đồng)	766	1,797	

- Công tác thu hồi công nợ: Đã thực hiện việc khởi kiện Nhà thầu ra Tòa án quận Thanh xuân tuy nhiên tiến độ còn chậm chưa đáp ứng yêu cầu.

- Làm tốt các công tác an sinh xã hội tại địa bàn cũng như làm đầu mối cho các chương trình an sinh xã hội của các đối tác.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Ban Giám đốc Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

- Ban Giám đốc luôn bám sát các mục tiêu SXKD đề ra, thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, luôn cân đối sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hiện có, chặt chẽ trong quản lý nội bộ, tuân thủ các quy chế của công ty và quy định của Pháp luật, hoạt động hiệu quả trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, công tác nhân sự cũng như đoàn kết trong hoạt động. Tuy nhiên do nhiều yếu tố, công tác thu hồi công nợ vẫn chậm và chưa thực sự có hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo sát sao kịp thời để hoàn thành vượt mức KHSXKD 2020.

- Đôn đốc Ban điều hành đẩy nhanh công tác thu hồi công nợ.

- Chỉ đạo công tác thanh kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời chấn chỉnh hệ thống quản lý đảm bảo đúng thẩm quyền, nguyên tắc và minh bạch.

V. Quản trị công ty/Corporate governance:

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần		Chức vụ tại tổ chức khác
			Sở hữu cá nhân	Sở hữu đại diện	
1	Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT			
2	Nguyễn Tuấn Ngọc	TV HĐQT			
3	Phạm Văn Hạnh	TV HĐQT			Giám đốc công ty TNHH Sản xuất Cucumin Bắc Hà – Bắc Kạn Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần 19/8

b) Những thay đổi trong Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần		Ngày miễn nhiệm
			Sở hữu cá nhân	Sở hữu đại diện	
1	Mai Xuân Nam	Chủ tịch HĐQT	0,012%	46,33%	28/11/2019
2	Đỗ Xuân Bình	TV HĐQT – Giám đốc	0,012%	47,9%	28/11/2019

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trên cơ sở nghị quyết đã được đại hội cổ đông năm 2019 thông qua, Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo chuyên môn, thường xuyên kiểm tra thực tế, chỉ đạo Ban giám đốc bám sát Nghị quyết tổ chức triển khai thực hiện.

Năm 2019 HĐQT tổ chức 06 cuộc họp để kiểm điểm, đánh giá việc triển khai KHSXKD các quý, đồng thời thống nhất các giải pháp và đưa ra ý kiến chỉ đạo kịp thời kế hoạch các quý kế tiếp, đôn đốc việc thu hồi các khoản công nợ tồn đọng. Cùng xem xét thống nhất các nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐQT phù hợp từng thời điểm để Ban giám đốc điều hành thực hiện các mục tiêu trong SXKD và thu hồi công nợ. Tại các cuộc họp này các thành viên HĐQT đã đồng thuận với các nội dung đưa ra.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần		Chức vụ tại tổ chức khác
			Sở hữu cá nhân	Sở hữu đại diện	
1	Bà Lê Thị Hiên	Trưởng ban KS	0	0	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần ANI
2	Bà Đinh Thị Trang Nhung	TV Ban Kiểm soát	0	0	Nhân viên phòng kinh tế - dự án Công ty CP Sông Đà 505
3	Ông Trần Văn Hiên	TV Ban Kiểm soát	0	0	Phó GD Công ty cổ phần 19/8

b) Những thay đổi trong Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần		Ngày miễn nhiệm
			Sở hữu cá nhân	Sở hữu đại diện	
1	Ông Nguyễn Thanh Khiết	Trưởng ban KS	0,0058%		28/11/2019
2	Bà Nguyễn Thị Hằng	TV Ban Kiểm soát	0,0058%		28/11/2019

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Luật doanh nghiệp. Ngay trong đầu năm 2019 Ban Kiểm soát đã xây dựng kế hoạch làm việc trong năm và phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn của từng thành viên để phối hợp kiểm tra, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong các quyết định đầu tư, quản lý, điều hành SXKD đảm bảo minh bạch khách quan, tuân thủ các quy định của Pháp luật và quy định của công ty, định kỳ thẩm tra báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm của công ty. Trong năm Ban Kiểm soát đã tổ chức họp 6 lần để phân công và thực hiện nhiệm vụ trong Ban Kiểm soát. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát công nợ của Công ty theo Quy chế làm việc của Ban Kiểm soát nhằm tăng cường nâng cao chất lượng cũng như tính độc lập của hoạt động kiểm soát; Kiểm tra, giám sát các thủ tục trình tự công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trên cơ sở các tài liệu do Ban lãnh đạo Công ty cung cấp theo yêu cầu và quá trình thẩm định các tài liệu báo cáo, Ban kiểm soát cùng thống nhất đưa ra ý kiến đánh giá như sau:

- Kết quả hoạt động SXKD năm 2019 được thể hiện đầy đủ, rõ ràng, trung thực
- HĐQT và Ban giám đốc đã bám sát Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2019 để điều hành các hoạt động kinh doanh hiệu quả, có lãi.
- Báo cáo tài chính năm 2019 đã được công ty lập theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty
- Việc lập và luân chuyển, sử dụng và bảo quản chứng từ kế toán nhìn chung đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ, sổ sách kế toán được lập, ghi chép, sử dụng và bảo quản đầy đủ, kịp thời và theo đúng quy định về biểu mẫu của chế độ kế toán hiện hành.
- Công tác báo cáo công bố thông tin tài chính định kỳ và theo yêu cầu của UBCKNN, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được thực hiện theo đúng quy định đối với công ty niêm yết.
- Tính đến 31/12/2019 các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo có lợi nhuận.
- Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt là đơn vị được UBCKNN chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết. Báo cáo tài

chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Phụ cấp	Thu nhập khác	Tổng cộng thu nhập
1	2	3	4	5	6	7=6+5+4
1	Ông Mai Xuân Nam (Miễn nhiệm 28/11/2019)	Chủ tịch HĐQT		33.000.000		33.000.000
2	Ông Nguyễn Văn Dũng (Bổ nhiệm 28/11/2019)	Chủ tịch HĐQT		5.000.000		5.000.000
3	Ông Đỗ Xuân Bình (Miễn nhiệm 28/11/2019)	TV HĐQT/ Giám đốc	347.745.100		31.448.000	379.193.100
4	Ông Phạm Văn Hạnh	TV HĐQT		29.500.000		29.500.000
5	Ông Nguyễn Tuấn Ngọc (Bổ nhiệm 28/11/2019)	TV HĐQT		2.000.000		2.000.000
6	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn (Bổ nhiệm 16/12/2019)	Giám đốc	49.954.600		3.423.200	53.377.800
7	Ông Tống Văn Bình (Miễn nhiệm 28/11/2019)	Phó GD	249.380.100		26.067.800	275.447.900
8	Ông Nguyễn Thanh Khiết (Miễn nhiệm 28/11/2019)	Trưởng ban KS	221.824.400		8.480.000	230.304.400
9	Bà Lê Thị Hiền (Bổ nhiệm 28/11/2019)	Trưởng ban KS		3.000.000		3.000.000
10	Bà Đinh Thị Trang Nhung (Bổ nhiệm 28/11/2019)	TV Ban KS		1.000.000		1.000.000
11	Bà Nguyễn Thị Hằng (Miễn nhiệm 28/11/2019)	TV Ban KS		16.500.000		16.500.000
12	Ông Trần Văn Hiền	TV Ban KS		17.500.000		17.500.000
13	Ông Lã Quang Dũng (Miễn nhiệm 28/11/2019)	Kế toán trưởng	250.074.300		26.144.000	276.218.300
14	Bà Nguyễn Ngọc Hà (Bổ nhiệm 28/11/2019)	Kế toán trưởng	18.909.100		200.000	19.109.100

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không
c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không
d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã nghiêm túc thực hiện Quy chế Quản trị công ty được quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ban hành từ 6/6/2017 và được áp dụng từ ngày 1/8/2017.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*:

1. Ý kiến kiểm toán:

Dự án xây dựng Nhà máy thủy điện Nậm Cát đã hoàn thành và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt giá trị quyết toán của dự án tại Quyết định số 38/QĐ/HĐQT-ĐLĐKBK ngày 18/12/2014. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Liên danh nhà thầu xây dựng là Công ty Cổ phần Sông Đà 906 và Công ty Cổ phần Khoáng sản và xây dựng Thành Nam và Công ty vẫn chưa thống nhất giá trị quyết toán khối lượng công việc đã thực hiện dẫn đến việc đối chiếu, nghiệm thu thanh quyết toán công nợ tồn đọng gặp khó khăn. Tại ngày 31/12/2019, Công ty đang theo dõi khoản ứng trước cho liên danh nhà thầu với số tiền là 6.394.993.680 đồng (tạm thời bù trừ giữa số dư đã ứng cho nhà thầu 7.899.272.382 đồng và số dư khoản công nợ còn phải trả cho nhà thầu với số tiền là 1.504.278.702 đồng). Do vụ việc tồn đọng kéo dài, Công ty đã khởi kiện các nhà thầu này, tuy nhiên Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án do các bên chưa hoàn thành thủ tục thanh quyết toán hợp đồng để xác định các phần việc đã hoàn thành của nhà thầu đối với chủ đầu tư. Trong năm 2019, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 319.749.684 đồng. Do tính chất của vụ việc, mặc dù đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để đánh giá được giá trị hợp lý của số dư công nợ ứng trước cho các nhà thầu nêu trên với số tiền là 6.394.993.680 đồng tại thời điểm 31/12/2019 cũng như không thể xác định được tính hợp lý và đầy đủ của khoản dự phòng phải thu khó đòi công ty đã trích lập trong năm 2019.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Có phụ lục chi tiết kèm theo

Nơi nhận:

- UBCKNN
- Sở GD&ĐT Hà Nội
- HĐQT
- Lưu VT, Thư ký HĐQT, TCHC



NGUYỄN NGỌC TUẤN